



Kỷ bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÚ THỌ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2026/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 288/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 296/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 487-TB/ĐU ngày 03/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về chủ trương ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa

bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 454/TTr-STC ngày 18 tháng 8 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại báo cáo số 328/BC-STP ngày 11/8/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ

1. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Việc công khai, tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện như sau:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp được cung cấp công khai, miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, gồm: tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của doanh nghiệp; tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh;

b) Tổ chức, cá nhân được tra cứu miễn phí thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, gồm: tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên chủ hộ kinh doanh.

2. Phạm vi và các thông tin khác được cung cấp, chia sẻ

a) Thông tin về cấp mới, thay đổi, thu hồi, chấm dứt hoạt động của giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp kể từ ngày ghi nhận trên hệ thống của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Thông tin về tình hình nộp thuế trong hồ sơ khai thuế; thông tin về tình hình xuất, nhập khẩu trong hồ sơ hải quan; báo cáo tài chính;

c) Thông tin về số lượng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp; nợ, chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp; Thông tin về tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp.

d) Thông tin về tình hình đầu tư của doanh nghiệp.

đ) Các thông tin về công nghệ, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và các thông tin khác của doanh nghiệp”.

2. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc trao đổi, cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Việc công khai, tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện theo Điều 6 của Quy chế này;

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cung cấp thông tin về doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 74 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính. Trên cơ sở thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền không yêu cầu doanh nghiệp nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công có liên quan đến doanh nghiệp.

4. Các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này trong phạm vi quản lý dữ liệu thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo Điều 79, Điều 80 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu”.

3. Bãi bỏ Điều 8.

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Việc trao đổi, cung cấp và chia sẻ thông tin về doanh nghiệp được thực hiện thông qua kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Điều

79, Điều 80 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Việc kết nối và chia sẻ thông tin về hộ kinh doanh được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh, Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh theo điểm h khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Việc kết nối, chia sẻ thông tin phải bảo đảm đúng phạm vi, mục đích sử dụng, an toàn, an ninh và bảo mật thông tin.”

5. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“b) Phối hợp yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; phối hợp xử lý các vi phạm pháp luật khác theo quy định.”

6. Sửa đổi Điều 14 như sau:

“Điều 14. Trách nhiệm phối hợp thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh đối với doanh nghiệp và yêu cầu tạm ngừng kinh doanh đối với hộ kinh doanh

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Đối với hộ kinh doanh, khi xác định hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Khi nhận được văn bản quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo khoản 7 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2026. Các nội dung khác của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan trọng Tấn